

Lời cảm ơn

Nhân ngày báo chí cách mạng Việt Nam 21.6.2002, Đảng uỷ và Ban giám hiệu Trường đại học kinh tế TP.HCM cùng các đơn vị và cá nhân trong và ngoài trường đã đến chúc mừng và tặng hoa, quà cho tạp chí Phát triển kinh tế. Tạp chí trân trọng cảm ơn sự quan tâm và giúp đỡ của lãnh đạo nhà trường, các đơn vị, cộng tác viên và bạn đọc.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Nhận thức về sở hữu và thành phần kinh tế ở nước ta

Để tồn tại và phát triển con người phải không ngừng chiếm hữu những của cải của tự nhiên để thỏa mãn những nhu cầu của mình. Chiếm hữu là mối quan hệ của con người với tự nhiên. Trình độ phát triển của chiếm hữu thể hiện ở cách thức, phương tiện thực hiện và kết quả mà nó thu được, nói lên trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Song, tự mỗi con người đơn lẻ không thể tiến hành chiếm hữu đạt kết quả, mà phải có quan hệ với nhau trong quá trình thực hiện sự chiếm hữu ấy. Nghĩa là, để thực hiện mối quan hệ với tự nhiên (chiếm hữu), con người đồng thời phải có quan hệ lẫn nhau theo những cách nào đó, tức phải có quan hệ xã hội. Mà biểu hiện cơ bản của nó là ở sự thừa nhận lẫn nhau về cơ sở và kết quả của sự chiếm hữu giữa các thành viên trong cộng đồng. Đó gọi là sở hữu.

Vậy sở hữu là hình thức chiếm hữu của cái vật chất do lịch sử qui định, trong đó thể hiện quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất xã hội. Sự phát triển của các hình thức sở hữu là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định (1).

Nghiên cứu phạm trù sở hữu cần chú trọng 3 mặt: đối tượng sở hữu, chủ sở hữu và quan hệ sở hữu. Nó là xác nhận về mặt xã hội rằng cái đó thuộc về ai.

Trong thực tế lịch sử, quan hệ về sở hữu được hình thành và hoàn thiện dần, đạt đến ổn định, phổ biến thành những qui ước của những cộng đồng xã hội (thành văn hoặc chưa thành văn) được mọi người thừa nhận và cam kết thực hiện, thì gọi là chế độ sở hữu. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền, các nhà nước đã thể chế hóa chế độ sở hữu thành luật trong đó quy định rõ quyền sở hữu của các chủ sở hữu đối với những đối tượng sở hữu. Người có quyền sở hữu (về đối tượng nào đó) thì có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền quản lý, quyền hưởng lợi và quyền định đoạt (đối với đối tượng ấy).

Theo đó, quan hệ sở hữu là quan hệ nền tảng, quan hệ gốc, quan hệ xuất phát quyết định và chi phối mọi quan hệ về kinh tế và lợi ích trong xã hội. Nó là cơ sở của mâu thuẫn, đối kháng giai cấp và là mục tiêu trực tiếp của các cuộc đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội. Song giành được quyền sở hữu tư liệu sản xuất chủ

Vấn đề sở hữu và kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta hiện nay

TS. HỒ TRỌNG VIỆN

yếu trong xã hội mới là mục tiêu trực tiếp, chứ chưa phải là mục tiêu cuối cùng của các cuộc cách mạng. Mục tiêu cuối cùng là lợi ích kinh tế và tiến bộ xã hội có được từ quyền sở hữu tư liệu sản xuất đã giành được qua cách mạng xã hội đem lại.

Chiếm hữu và sở hữu là hai mặt thống nhất biện chứng với nhau của một quá trình sản xuất vật chất, phản ánh nội dung cơ bản của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một phương thức sản xuất, trong đó trình độ phát triển của lực lượng sản xuất quyết định và đòi hỏi có quan hệ sản xuất tương ứng (chứ không phải là ngược lại). Đây là quy luật chung - quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất - quy định sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại từ thấp đến cao. Các cuộc cách mạng xã hội làm thay đổi quyền sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội từ tay giai cấp này sang tay giai cấp khác và theo đó làm thay đổi giai cấp cầm quyền thống trị, lãnh đạo xã hội là những cột mốc lịch sử đánh dấu sự chuyển biến cách mạng ra đời các phương thức sản xuất kế tiếp nhau, tiến bộ hơn.

Như vậy, công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã đặt ra hai nhiệm vụ cơ bản phải thực hiện là:

1. Giành lấy quyền sở hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu (đất đai, tài nguyên, kết cấu hạ tầng...) cùng với chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động.

2. Xác lập quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm phát triển kinh tế xã hội. Trong đó, nội dung cốt lõi là xác lập cơ cấu về sở hữu tư liệu sản xuất và cơ cấu các thành phần kinh tế một cách phù hợp với yêu cầu của quy luật và thực tế khách quan của nền kinh tế thời kỳ quá độ ở nước ta.

Đường lối đổi mới của Đảng ta, về mặt kinh tế là bắt nguồn từ nhận thức sâu sắc, thấu đáo về yêu cầu của các quy luật, đặc trưng của thời kỳ quá độ lên CNXH và đặc điểm thời đại hiện nay, nhất là từ vai trò tác động của quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Khi quan hệ sản xuất (mà cốt lõi là trình độ xã hội hóa về sở hữu tư liệu sản xuất) phù hợp thì sẽ tạo điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và ngược lại thì sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ý nghĩa thực tiễn sâu sắc được rút ra ở đây là: không thể tùy tiện, dựa vào ý chí

chủ quan để tạo lập hay xóa bỏ một loại hình sở hữu nào đó, khi mà lực lượng sản xuất chưa đòi hỏi.

Ở nước ta hiện nay, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội hóa chưa đạt đến mức đòi hỏi có quan hệ sản xuất xã hội hóa về sở hữu là công hữu hoàn toàn hay tuyệt đối mà nó phải tùy thuộc ở trình độ phát triển lực lượng sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực đang ở những mức độ khác nhau. Do vậy, Đảng ta đã đề ra đường lối phát triển nền kinh tế hàng hóa với cơ cấu nhiều thành phần, đa dạng hóa các loại hình sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh. Tính đúng đắn, khoa học, hợp quy luật của đường lối đó đã được thực tiễn khẳng định bằng những thành tựu phát triển vượt bậc về kinh tế xã hội nước nhà trong những năm qua. Nó đã tạo nên niềm tin vững chắc cùng với thế và lực mới cho nền kinh tế phát triển mạnh, bền vững. Trong đó, kinh tế tư bản tư nhân có vai trò và sự đóng góp quan trọng.

Vai trò của kinh tế tư bản tư nhân

Trước đây, kinh tế tư hữu không được thừa nhận, bị coi là đối tượng của cách mạng XHCN, phải được cải tạo xóa bỏ. Từ đường lối đổi mới (Đại hội VI của Đảng tháng 12.1986) khẳng định xây dựng, phát triển nền kinh tế nước ta với cơ cấu nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế tồn tại lâu dài. Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VI) ghi rõ: "Chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN và thể hiện tính thần dân chủ về kinh tế", "Tư nhân được kinh doanh không hạn chế về quy mô, địa bàn hoạt động trong những nghề mà pháp luật không cấm". Quan điểm, chủ trương nhất quán kể trên đã được ghi nhận trong Hiến pháp 1992 "công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật" (điều 57) "kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân được chọn hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế mô hoạt động trong những ngành nghề có lợi cho quốc tế dân sinh" (điều 21). Các Đại hội Đảng lần thứ VII (tháng 6.1991), lần thứ VIII (tháng 7.1996) và lần thứ IX (tháng 4.2000) đều tiếp tục khẳng định quan điểm đó. Đại hội IX còn nhấn mạnh thêm: "kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài... Kinh tế tư bản tư nhân được Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để phát triển rộng rãi ở những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm..."

Nhờ vậy, những năm qua, kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu thủ và kinh tế tư bản tư nhân) đã phát triển năng động, lớn mạnh nhanh chóng, đóng góp tích cực cho kinh tế xã hội phát triển. Hai năm qua 2001 - 2002, sau khi có Luật doanh nghiệp ra đời, số doanh nghiệp tư nhân ra đời 35.440, với số vốn đăng ký đạt 40.455 tỷ đồng, nhiều hơn số doanh nghiệp tư nhân được thành lập trong 5 năm trước đó cộng lại, đưa tổng số doanh nghiệp tư nhân đăng ký kinh doanh đến cuối năm 2001 là 74.393 doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng 24,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Năm 2001, khu vực doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách đạt trên 11.075 tỷ đồng,

chiếm 14,8% tổng thu ngân sách.

Theo số liệu thống kê năm 2000, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 42,3% vào GDP của cả nước (trong khi đó khu vực doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 39% GDP) và tạo việc làm cho 4,6 triệu người (chiếm 12% lao động toàn xã hội) nâng tỷ trọng lao động của khu vực kinh tế tư nhân lên 53,3% trong tổng số lao động có việc làm thường xuyên của nền kinh tế nước ta.

Riêng tại TP.HCM số liệu thống kê đến đầu năm 2002 cho thấy:

Tiềm lực của kinh tế tư nhân tại TP.HCM (tính đến đầu năm 2002)		
	Số lượng	Vốn đăng ký (tỷ đồng)
Doanh nghiệp tư nhân	7.307	3.630,9
Công ty cổ phần	1.000	8.901,7
Công ty TNHH	14.218	24.699,4
Công ty TNHH một thành viên	31	143,7
Công ty hợp danh	1	0,5
Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp ngoài quốc doanh	6.956	79,9

Nguồn: Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM

Tuy nhiên thực trạng về kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay hãy còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa khai thác tận dụng được tiềm năng vốn có của nó. Hiện có tới 87,2% doanh nghiệp mức vốn dưới 1 tỷ đồng, trong đó 29,4% số doanh nghiệp vốn dưới 100 triệu đồng. Số doanh nghiệp có mức vốn trên 10 tỷ đồng chỉ chiếm 1%. Tuyệt đại bộ phận các doanh nghiệp tư nhân đều gặp khó khăn, thậm chí gay gắt về thiếu vốn hoạt động (hơn 70% dựa vào vốn tự có), kỹ thuật công nghệ lạc hậu, khả năng tiếp cận thông tin (về thị trường, về tiến bộ khoa học công nghệ...) nên sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp, nhiều doanh nghiệp có nguy cơ không thể tồn tại, phát triển.

Hội nghị trung ương 5 (khóa IX) của Đảng (họp 18.2 đến 2.3.2002) đã đánh giá vị trí, vai trò, thực trạng của khu vực kinh tế tư nhân và ra Nghị quyết

về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, nhằm động viên nguồn lực to lớn của khu vực kinh tế nào vào quá trình đẩy mạnh CNH - HĐH, phát triển nền kinh tế thị trường với cơ cấu nhiều thành phần kinh tế theo định hướng XHCN ở nước ta.

Dĩ nhiên, quan hệ giữa các loại hình sở hữu, giữa các thành phần kinh tế ở đây là vừa thống nhất vừa có mâu thuẫn với nhau, vừa hợp tác vừa cạnh tranh lẫn nhau nhằm đạt được lợi ích kinh tế của mình, tạo nên bức tranh đa dạng, phong phú và phức tạp của nền kinh tế hàng hóa thời kỳ quá độ ở nước ta.

Do vậy, thực hiện chủ trương nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, tồn tại lâu dài của Đảng phải luôn đặt trong môi

trường và đảm bảo điều kiện, chế độ công hữu XHCN và thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đồng thời, phải tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của nhà nước pháp quyền XHCN VN, nhằm phát triển nền kinh tế một cách ổn định, hợp lý, hiệu quả và bền vững theo định hướng XHCN.

Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân

Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất, đưa nền kinh tế sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn hiện đại, gắn liền và thống nhất với quá trình trưởng thành của giai cấp công nhân sản phẩm của nền đại công nghiệp - cùng với Đảng tiên phong của nó, trong vai trò lãnh đạo cách mạng và là nhân tố quyết định sự thắng lợi. Nhận rõ ý nghĩa sâu sắc của vấn đề đó, nên trong quá trình phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, Đảng ta luôn quan tâm phát triển công nghiệp và giai cấp công nhân, chú trọng phát triển Đảng trong giai cấp công nhân và bồi dưỡng nâng cao bản chất, lập trường giai cấp công nhân cho mỗi Đảng viên và trong toàn Đảng, chăm lo xây dựng Đảng về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng (được ghi trong hiến pháp) đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng, xây dựng và phát triển Nhà nước. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã đúc kết thành một trong những bài học chủ yếu quyết định sự thành bại của công cuộc đổi mới và phát triển đất nước ta là: "Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt" (2).

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và của từng đảng viên trong hoàn cảnh xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay, cần phải làm rõ và khẳng định vấn đề: Đảng viên làm kinh tế tư nhân - và theo đó, trước hết phải làm rõ (cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn), thế nào là tư bản tư nhân, thế nào là bóc lột, cùng vai trò và ý nghĩa của nó.

Cần thống nhất về quan điểm nhận thức và khẳng định nhất quán ngay rằng: là đảng viên của Đảng cộng sản thì không thể là người bóc lột, hoạt động kinh doanh thuê mướn lao động nhằm thu giá trị thặng dư làm giàu cho mình, không thể là người sống bằng kết quả lao động không công của người khác, sống trên lưng những người làm thuê được gọi là đồng chí của mình, cùng giai cấp, lý tưởng với mình.

Song vấn đề mấu chốt ở đây là thế nào là bóc lột và người bóc lột? Không phải cứ thế có thuê mướn lao động là có bóc lột và người bỏ vốn xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh, sử dụng lao động làm thuê là lập tức trở thành kẻ bóc lột!

Theo lý luận về phân phối sản phẩm xã hội của Các Mác, những người lao động sản xuất vật chất (dù ở chế độ xã hội nào cũng vậy), tạo ra của cải cho xã hội, chỉ được hưởng (nhận lại) một phần trong kết quả lao động của mình đã sáng tạo ra một cách trực tiếp, phần còn lại là đóng góp cho xã hội, quốc phòng an ninh, phúc lợi công cộng, quản lý hành chính, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường... tức người lao động có thể được nhận lại một cách gián tiếp với mức độ, cách thức khác nhau. Như vậy, không phải cứ đi làm thuê cho doanh nghiệp tư nhân là bị bóc lột (dù có thu nhập cao), còn làm cho doanh nghiệp nhà nước thì không bị bóc lột (dù có thu nhập thấp hơn).

Mặt khác, người bỏ vốn mua sắm tư liệu sản xuất, thuê lao động, đầu tư sản xuất kinh doanh, thu được lợi nhuận, về thực chất là họ đóng góp lao động quá khứ vào quá trình sản xuất xã hội, và do vậy góp phần tạo ra của cải làm giàu cho xã hội, đóng góp vào ngân sách nhà nước, góp phần giải quyết việc làm cho người lao

động... đồng thời mang về thu nhập cho chủ đầu tư kinh doanh là lợi nhuận một cách hợp pháp và hợp lý.

Người đóng góp lao động sống thì hưởng tiền công (tiền lương) còn người đóng góp lao động quá khứ (góp vốn, tư liệu sản xuất) thì hưởng lợi nhuận, đó là lẽ tự nhiên, công bằng, cũng giống như góp vốn bằng gửi tiền vào ngân hàng được hưởng lợi tức vậy. Lẽ nào người có tiền gửi vào ngân hàng (vài ba tỉ đồng VN) để thu lợi tức, sống đàng hoàng thì không bị coi là bóc lột, được khuyến khích. Còn nếu đem tiền đó đầu tư kinh doanh tạo ra của cải vật chất cho xã hội, giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động, đóng góp vào nguồn thu của Nhà nước... và thu được lợi nhuận, thì lại bị coi là bóc lột, cần phải xem xét xử lý?

Theo lý luận về tư bản và giá trị thặng dư của Các Mác thì một chủ xí nghiệp trở thành nhà tư bản và mang quan hệ bóc lột khi lượng giá trị thặng dư (hay lợi nhuận) mà anh ta thu được hàng năm - tức phần còn lại trong doanh thu sau khi đã khấu trừ các khoản: đóng thuế cho Nhà nước và trả công lao động kể cả công quản lý của bản thân anh ta - sống không cần lao động, tức có thể sống bằng kết quả lao động không công của những người khác, những người làm thuê cho mình.

Đây là tiêu chí chủ yếu để đánh giá, xác định tư bản và bóc lột chứ không phải là ở lượng công nhân thuê mướn nhiều hay ít!

Và như vậy, việc phân định và xác lập trên thực tế, thế nào là tư bản tư nhân và bóc lột ở nước ta hiện nay và theo đó Đảng viên được làm kinh tế tư nhân với lượng giá trị thặng dư (lợi nhuận) thu được tới mức nào để vẫn mang bản chất người lao động và lý tưởng của giai cấp công nhân, của Đảng như chưa biến thành người bóc lột, nhà tư bản là phải dựa trên cơ sở lý luận về tư bản và bóc lột giá trị thặng dư của Các Mác như nói trên mà cụ thể ở đây là căn cứ để phân định xí nghiệp là tư bản tư nhân và tiêu chủ, và từ đó cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân đến mức là tiêu chủ vậy!

Cần phải lý giải thêm rằng: vì sao đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân trong khi đối với các công dân khác thì Đảng lại chủ trương: được thừa nhận và khuyến khích phát triển trong các ngành sản xuất có lợi cho quốc kế dân sinh mà luật pháp không cấm? Vậy kinh tế tư bản tư nhân là tốt hay xấu mà đảng viên thì không được làm còn người ngoài Đảng thì được làm?

Xem xét vấn đề này, trước hết cần thống nhất quan điểm có tính chất phương pháp luận là: mỗi sự vật có bản chất với những yêu cầu thuộc tính riêng của nó, để khẳng định nó là nó và phân biệt nó với cái không phải nó. Mà ở đây, một trong những thuộc tính bản chất của người đảng viên, để phân biệt với người ngoài Đảng đó là không bóc lột. Bởi lẽ, đã là người bóc lột thì không thể mang đầy đủ bản chất của một người đảng viên cộng sản như đã nói ở phần trên.

Vậy bóc lột và kinh tế tư bản tư nhân là xấu hay tốt, tiêu cực hay tích cực mà đối với đảng viên thì cấm mà quần chúng thì không, lại còn được khuyến khích phát triển?

Mỗi một sự vật, quá trình kinh tế đều có mặt tích cực và tiêu cực, tốt và xấu, tùy từng hoàn cảnh cụ thể mà mặt nào sẽ nổi trội, gây tác động và hệ quả mạnh hơn đối với thực tiễn, từ đó phải cân nhắc, lựa chọn trong vận dụng. Đối với kinh tế tư bản tư nhân và bóc lột nói ở đây cũng vậy. Đối với người đảng viên mà làm kinh tế tư bản tư nhân và bóc lột thì đưa đến mặt tiêu cực, mặt xấu nhiều hơn là mặt tích cực, mặt tốt cho thực tiễn cách mạng, phát triển kinh tế xã hội theo định hướng XHCN; vì nó sẽ làm suy giảm vai trò, ý chí lãnh đạo cách mạng của mỗi người đảng viên, phai nhạt lý tưởng, không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

Còn đối với các công dân khác, là lực lượng thực hiện đường

lối của Đảng chứ không phải là người lãnh đạo nên Đảng cần động viên họ mang hết tiềm năng, nguồn lực về vốn, cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý kinh doanh, đóng góp vào quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nhằm tạo ra nhiều của cải cho xã hội, làm giàu cho mỗi người và cho đất nước.

Phát triển kinh tế tư bản tư nhân trong nước, cũng như đầu tư của tư bản nước ngoài, tức chấp nhận sự bóc lột. Điều này có mặt tiêu cực, mặt xấu là người lao động và đất nước ta nói chung phải cống nộp một phần kết quả lao động của nhân dân ta cho các chủ tư bản. Song cũng có mặt tích cực cần thiết là: góp phần giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động (đang thất nghiệp) tạo ra của cải vật chất cho xã hội, phục vụ phát triển sản xuất và đời sống, đóng góp tạo thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước (thuế), đào luyện đội ngũ công nhân, bồi dưỡng tri thức quản lý và trang bị kỹ thuật công nghệ hiện đại trong quá trình thực tiễn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vấn đề mấu chốt ở đây là sử dụng kinh tế tư bản tư nhân phải luôn tăng cường nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với sự hoạt động của các doanh nghiệp tư bản tư nhân này, đồng thời phát huy vai trò làm chủ của người lao động và vai trò lãnh đạo của cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp tư bản tư nhân. Kiểm tra giám sát, buộc các chủ tư bản ở đây phải chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và chính sách của Nhà nước ta, đảm bảo lợi ích hợp pháp và hợp lý của các chủ tư bản, người lao động và Nhà nước ta. Từ đó góp phần thực hiện tốt đường lối phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần tham gia, động viên rộng rãi các tiềm năng, nguồn lực trong toàn xã hội cho việc phát triển sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh, vững bước tiến dần lên CNXH ■

Chú thích

(1) Theo Từ điển triết học, NXB TB, M, 1975, bản dịch của NXB Sự Thật, Hà Nội 1986, tr.507.

(2) Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng, NXB CTQG, Hà Nội, 1996, tr.74



(Tiếp theo trang 31)

Rửa tiền: nhận diện và ...

4. Thiết lập hệ thống các báo cáo nội bộ

Các loại báo cáo sau đây có thể giúp ngân hàng nhận diện các khả năng rửa tiền của khách hàng. Các loại báo cáo này hiện nay có thể được thiết kế khá dễ dàng thông qua máy vi tính.

- Báo cáo hoạt động của tài khoản ký thác không kỳ hạn (demand deposit activity report) : cần quan sát, phân tích cẩn thận các hiện tượng bất thường, hay thay đổi như số lần giao dịch, số dư bình quân. Loại báo cáo này có thể thiết lập hàng tuần hay hàng tháng tùy theo nhu cầu.

- Báo cáo các món giao dịch lớn (large transaction report) : ngân hàng có thể tự đặt ra một giới hạn cụ thể như các giao dịch tương đương 20.000 USD trở lên. Báo cáo này nên được lập hàng ngày.

- Báo cáo các giao dịch ngoại tệ (currency report) : các chuyển đổi từ nội tệ ra ngoại tệ và ngược lại; chuyển khoản ra nước ngoài bằng ngoại tệ.... Ngân hàng có thể tự đặt ra một giới hạn nào đó cho báo cáo. Cũng có khi, giới hạn đó lại theo yêu cầu của ngân hàng trung ương, do các qui định về quản lý ngoại hối. Báo cáo này nên được lập hàng ngày.

- Báo cáo thu chi tiền mặt (cash-in and cash-out report) : tính bất thường, khả nghi của các giao dịch tiền mặt báo hiệu cho ngân hàng khả năng rửa tiền. Một công ty tư vấn thì không thể nào có nhu cầu tiền mặt lớn và thường xuyên như một nhà bán lẻ. Còn một hiệu bán lẻ đồ len mùa đông thì khó có thể có số tiền mặt lớn và thường xuyên ký thác vào ngân hàng vào giữa mùa hè. Tùy theo qui mô hoạt động và nhu cầu, loại báo cáo này có thể lập hàng ngày, hay hàng tuần.

Như vậy, hệ thống thông tin nội bộ ngân hàng thông qua các báo cáo có liên quan đến việc sử dụng tài khoản và dịch vụ của khách hàng, cộng với khả năng phân tích sắc sảo các thông tin đa nguồn của các nhân viên và nhà quản trị ngân hàng có thể giúp các ngân hàng chủ động nhận diện và phòng ngừa nạn rửa tiền. Tính miễn cưỡng của các nhân viên và trình độ quản lý chuyên nghiệp của ban lãnh đạo ngân hàng do đó phải xem là một trong những tiêu chí quan trọng nhất để có thể thực hiện nỗ lực trên.

Việt Nam đang trong quá trình hòa nhập vào hệ thống tài chính, ngân hàng thế giới. Mới đây, bằng công văn số 2838/VP-CP-KTTH, Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước nhanh chóng soạn thảo một nghị định về chống rửa tiền. Trong khi chờ đợi Nghị định trên ra đời, hệ thống ngân hàng của chúng ta, cùng với sự hợp tác chặt chẽ của các cơ quan hữu quan khác, luôn phải có những nỗ lực chủ động trong việc nhận dạng và phòng chống nạn rửa tiền của bọn tội phạm trong nước và quốc tế, góp phần giữ vững sự an toàn, lành mạnh của nền kinh tế, xã hội và an ninh quốc gia ■